



Original Article

Teaching for Creative Competence in General Curriculum 2018

Mai Thi Thuy Dung*

*Thuc Hanh High School, Ho Chi Minh City University of Education,
280 An Duong Vuong Street, Ward 4, District 5, Ho Chi Minh City, Viet Nam*

Received 04 March 2020

Revised 10 March 2020; Accepted 10 April 2020

Abstract: Creativity is not a subject but it is a mission which requires a systematic strategy involving curriculum, teaching pedagogy and assessment (NACCCE, 1999). The Vietnam curriculum 2018 has chosen creativity as one of three general competences that students need improving (MOET, 2018a). This is indeed an innovation in education because it shifts from knowledge-based teaching to competency-based approach. The main aim of this paper is to investigate the tendency and theory of creativity in developed countries then examine teaching pedagogy for creative competence with a belief that it is one of the best practice of implementing the curriculum 2018.

Keywords: Creative teaching, creative competence, teachers, teacher training, curriculum.

* Corresponding author.

E-mail address: dungmtt@hcmue.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4375>

Dạy học phát triển năng lực sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông 2018

Mai Thị Thuỳ Dung*

*Trường Trung học Thực hành, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh,
280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận ngày 04 tháng 3 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 3 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 4 năm 2020

Tóm tắt: Sáng tạo là một trong các nhiệm vụ của giáo dục mà để phát triển có hiệu quả, đòi hỏi một chiến lược mang tính hệ thống, từ chương trình học cho đến phương pháp giảng dạy và đánh giá (NACCCE, 1999) [1]. Chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển thể chất và năng lực học sinh (chương trình giáo dục phổ thông 2018) của Việt Nam đã xác định sáng tạo là một trong ba nhóm năng lực chung mà học sinh cần phát triển (MOET, 2018a) [2]. Đây là bước đột phá trong giáo dục của nước ta, khi chuyển từ dạy học truyền đạt kiến thức sang dạy học nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh. Mục tiêu chính của bài nghiên cứu này nhằm tìm hiểu xu hướng và cơ sở khoa học của sự sáng tạo trong chính sách giáo dục ở các nước tiên tiến sau đó nghiên cứu kỹ thuật dạy học nhằm phát triển năng lực sáng tạo của học sinh khi áp dụng chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Từ khóa: Dạy học sáng tạo, năng lực sáng tạo, giáo viên, đào tạo giáo viên, chương trình giáo dục phổ thông.

1. Giới thiệu

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ trên toàn cầu, lan toả ảnh hưởng của khoa học công nghệ đến mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục Việt Nam. Dưới tác động đó, năm 2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 404/QĐ-TTg phê duyệt đề án Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông nhằm "...góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực..." (MOET, 2018a:3) [2]. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chú trọng những năng lực cốt lõi cho học sinh, bao gồm nhóm những năng lực chung và nhóm những năng lực đặc thù. "Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo" là một trong ba năng lực chung cần được "hình

thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục" (MOET, 2018a:7) [2].

Đây là một sự đổi mới vô cùng to lớn đối với giáo dục Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của kinh tế, xã hội và công nghệ. Trong bối cảnh này, tăng cường sự sáng tạo cho học sinh và người trẻ là một điều không thể tranh cãi mà giáo dục cần phải tiến hành bởi sáng tạo là yếu tố quyết định đối với một nền kinh tế khi nó giúp các quốc gia nâng cao chất lượng việc làm cũng như tăng tính cạnh tranh với các nền kinh tế khác (Craft, 2008; Burnard, 2006; Shareen, 2010) [3-5]. Điển hình, sự vươn lên thần kì của Nhật Bản sau những biến cố lịch sử được giải thích ngắn gọn rằng: "sự sáng tạo là phương tiện giúp Nhật Bản tìm ra con đường độc đáo trên thế giới" (Smith, 2017:10) [6].

Trên thực tế, giáo dục phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh đã được chú trọng một cách mạnh mẽ ở các quốc gia phát triển như Anh, Đức, Pháp, Mỹ, Ca-na-đa, Nhật Bản và

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: dungmtt@hcmue.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4375>

nhiều nước khác, đến nỗi giáo sư Anna Craft ở đại học Exeter (Vương quốc Anh) ví nó như cơn sóng thần (tsunami) đối với cảnh quan lớp học và môi trường giáo dục (Craft, 2008) [3]. Nó đã làm thay đổi tầm nhìn giáo dục về giá trị (Ofsted, 2010) [7], làm cho việc học trở nên ý nghĩa và thú vị (Craft, 2008; Yu và Subramaniam, 2017) [3, 8].

Bài viết này nghiên cứu lý thuyết về phát triển năng lực sáng tạo, xu hướng và các phương pháp sư phạm nhằm phát huy năng lực sáng tạo ở học sinh trên thế giới sau đó bàn luận về giải pháp để áp dụng phương pháp này vào giáo dục Việt Nam.

2. Chính sách giáo dục đề cao sáng tạo trên thế giới

Đối với giáo dục Vương quốc Anh, từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, tầm quan trọng của sự sáng tạo ngày càng được đề cao trong giáo dục, thể hiện rõ qua rất nhiều nghiên cứu khoa học từ tính sáng tạo trong phương pháp dạy học đến dạy học nhằm phát triển sự sáng tạo của học sinh (Craft, 2008) [3]. Sự sáng tạo giúp học sinh xử lý các mục tiêu và cả các khó khăn gặp phải trong tương lai một cách hiệu quả hơn, nhận thức sâu hơn về bản thân cũng như thế giới xung quanh và khuyến khích sự cởi mở và linh hoạt (NACCCE, 1999) [1].

Áp dụng vào thực tiễn, Chính phủ Anh đã thành lập Chương trình Đối tác sáng tạo (Creative Partnerships) vào năm 2002 nhằm phát triển các kĩ năng sáng tạo cho trẻ em (CCE, 2019) [9] và tăng cường trải nghiệm sáng tạo trong trường học (Loveless, 2007) [10]. Sự đầu tư quy mô từ nghiên cứu đến chính sách và chương trình sáng tạo đó đã khuyến khích óc sáng tạo, sự tham gia vào hoạt động một cách tích cực của học sinh và làm cho việc học trở nên giàu ý nghĩa mà sự sáng tạo không chỉ giới hạn ở môn nghệ thuật (Craft, 2008) [3]. Do vậy, sáng tạo đã trở thành tâm điểm trong chương trình quốc gia của Anh mà ở đó, kĩ năng suy nghĩ (thinking skills) là một trong sáu kĩ năng chủ chốt (Shaheen, 2010) [5].

Chính sách giáo dục đề cao sự sáng tạo cũng được Chính phủ các nước ở Bắc Mỹ như Ca-na-đa, Hoa Kỳ, ở Châu Âu như Đức, Pháp, Hà Lan hay châu Á như Nhật Bản, Xing-ga-po, Đài Loan, Ma-lai-xi-a và nhiều nước khác tiến hành (Shaheen, 2010; Yu và Subramaniam, 2017) [5, 8]. Chẳng hạn, ở Ca-na-đa, “suy nghĩ sáng tạo” là một trong các kĩ năng thiết yếu trong học tập, còn bang Ken-tuc-ky-Hoa Kỳ đặt ra mục tiêu của học tập là nhằm giúp học sinh “sử dụng các kĩ năng suy nghĩ sáng tạo để phát triển những cái mới lạ” hay kế hoạch phát triển quốc gia của Thụy Điển khẳng định giáo dục cần phải tạo ra “các điều kiện để phát triển các kĩ năng sáng tạo” (Shaheen, 2010:167) [5].

Đặc biệt, Nhật Bản đề cao sự sáng tạo từ những năm 1980, khi cố Thủ tướng Nakasone nhấn mạnh về “tự do, sáng tạo và niềm vui sống” của người Nhật (Hood, 2001:55) [11]. Đối với họ, sự sáng tạo giống như là “tinh thần của mỗi cá nhân mà nó tạo ra những điều mới mẻ và khác lạ, phá vỡ lối mòn và tự giải phóng” (Smith, 2016:46) [12]. Mặc dù lúc này, sự sáng tạo chưa chính thức được vạch rõ trong giáo dục, nhưng nó đã vượt ra khỏi việc học thuộc lòng nhằm hướng đến sử dụng kiến thức một cách phù hợp đối với cá nhân (Smith, 2017) [6]. Sau đó, Luật cơ bản về giáo dục năm 2006 đã nhấn mạnh rằng sự liên kết giữa cá thể với sáng tạo chính là nét văn hoá riêng biệt của người Nhật Bản (Smith, 2017) [6].

Ở Việt Nam, chương trình giáo dục phổ thông 2018 “đã tiếp thu các thành tựu nghiên cứu về khoa học giáo dục và kinh nghiệm xây dựng chương trình theo mô hình phát triển năng lực của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới” (MOET, 2018a:5) [2]. Chương trình đưa ra những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, trong đó những năng lực chung cần được hình thành và phát triển qua mọi hoạt động giáo dục là năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Trong tài liệu giới thiệu về chương trình tổng thể dài 53 trang của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET, 2018a) [2], từ “sáng tạo” được lặp lại 16 lần ở nhiều môn học, như Giáo dục khoa học xã hội, Giáo dục tin học, Giáo dục nghệ thuật, hoạt động trải nghiệm. Qua

đó có thể thấy, xu hướng dạy học phát huy năng lực sáng tạo được chú trọng trong chương trình tổng thể của giáo dục Việt Nam.

Sự phổ biến của quá trình dạy học phát huy tính sáng tạo trên thế giới đã nói lên tầm quan trọng của nó đối với nền giáo dục của một quốc gia. Đã có rất nhiều nghiên cứu khoa học được tiến hành về dạy học phát triển năng lực sáng tạo và cả những thảo luận khoa học sôi nổi về dạy học sáng tạo (creative teaching hoặc teaching creatively) và dạy học vì sự sáng tạo (teaching for creativity). Phần tiếp theo sẽ lý luận về chủ đề này.

3. Cơ sở khoa học của dạy học phát triển năng lực sáng tạo

Có thể nói, dạy học theo định hướng phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh là một đặc điểm mới trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Việt Nam. Trong đó quy định các yêu cầu cần đạt về năng lực sáng tạo cho từng cấp học với các mức độ phát triển tương ứng. Chẳng hạn, năng lực “hình thành và triển khai ý tưởng mới” ở cấp Tiểu học yêu cầu học sinh “Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện”, nhưng lên cấp trung học cơ sở thì yêu cầu đó được xác định là “phát hiện những yếu tố mới, tích cực trong những ý kiến của người khác; hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho; đề xuất giải pháp cải tiến hay thay thế các giải pháp không còn phù hợp” và được nâng lên mức cao hơn nữa là “nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng” khi lên cấp trung học phổ thông (MOET, 2018a:49) [2].

Sáng tạo được chứng minh là khía cạnh thiết yếu của giáo dục bởi nó có sự ảnh hưởng mang tính toàn cầu đối với chính sách giáo dục cũng như các hoạt động dạy và học (Harris và Bruin, 2018) [13]. Ủy ban cố vấn quốc gia Vương quốc Anh về sáng tạo và văn hoá giáo dục (NACCCE) định nghĩa “Sáng tạo là hoạt động mới lạ được hình thành nhằm tạo ra những kết quả vừa độc đáo vừa có giá trị”

(NACCCE, 1999:30) [1]. Trong hoạt động dạy học, nghiên cứu về dạy học sáng tạo và dạy học vì sự sáng tạo được tiến hành và thảo luận ở nhiều quốc gia tiên tiến.

Dạy học sáng tạo sử dụng cách tiếp cận mới lạ để làm cho việc học thêm thú vị, hào hứng và hiệu quả (NACCCE, 1999; Cremin, 2015) [1, 14]. Phương pháp này có thể áp dụng các cách hướng dẫn sáng tạo như sử dụng hoạt hoạ, đồ hoạ, đường dẫn liên kết đến các tài liệu và trang web nhằm đạt được mục đích giảng dạy (Yu và Subramaniam, 2017) [8]. Quan trọng hơn, các giáo viên sẽ được sáng tạo tối đa trong tài liệu giảng dạy để tạo cảm hứng cho học sinh (NACCCE, 1999) [1]. Sự sáng tạo trong dạy học sẽ giúp giáo viên yêu thích công việc của mình hơn và quan tâm đến học sinh hơn (Brinkman, 2010) [16].

Trong khi đó, dạy học vì sự sáng tạo là sự chú ý phát triển suy nghĩ và hành động sáng tạo của học sinh trong khi dạy học (Brinkman, 2010) [16]. Một ý kiến khác cho rằng đó là việc giáo viên xác định thể mạnh sáng tạo của học sinh và bồi dưỡng nó (Cremin, 2015) [14]. Dù quan điểm có hơi khác nhau, thì theo NACCCE (1999) [1], dạy học vì sự sáng tạo bao gồm cả dạy học sáng tạo bởi vì giáo viên sẽ không thể thúc đẩy khả năng sáng tạo của học sinh nếu sự sáng tạo của bản thân họ bị gò bó. Đây là quan niệm của nhiều quốc gia châu Á khi áp dụng sáng tạo vào giáo dục, như Xing-ga-po, Trung Quốc và Ma-lai-xi-a (Yu và Subramaniam, 2017) [8].

Bài viết này sẽ tập trung vào dạy học sáng tạo kết hợp với dạy học vì sự sáng tạo bởi nếu không có bước đầu tiên là dạy học sáng tạo thì sẽ không thể đạt được mục tiêu phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh. Hơn nữa, trong các nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng đến sự sáng tạo của học sinh, thì kiến thức và quan điểm của giáo viên về sáng tạo là rất quan trọng (Hong et al, 2005) [16].

4. Dạy học phát triển năng lực sáng tạo

Theo Harris và Bruin (2018) [13], một trong ba yếu tố tác động đến sự sáng tạo trong

giáo dục là phương pháp sư phạm. Nhiều người cho rằng sáng tạo là thiên bẩm, không phải ai cũng có khả năng đó, nhưng báo cáo của NACCCE (1999:11) [1] đã khẳng định rằng “sáng tạo là có thể ở trong tất cả mọi hoạt động của con người và tất cả người trẻ và người trưởng thành đều có khả năng sáng tạo” và khả năng đó là khác nhau ở mỗi cá nhân. Chúng ta không thể dạy sáng tạo như dạy bảng cửu chương cho học sinh, chúng ta cũng không ám chỉ học sinh phải trở thành người sáng tạo xuất chúng như Beethoven hay Einstein nhưng chúng ta có thể tạo ra môi trường nhằm khuyến khích các ý tưởng mới lạ (Brinkman, 2010) [15]. Phần này nghiên cứu về yêu cầu đối với giáo viên và các kỹ thuật dạy học nhằm phát huy sự sáng tạo của học sinh.

Những người có trí sáng tạo cao đều tự tin ở khả năng của bản thân trong khi nhiều học sinh, thậm chí cả người lớn không bao giờ nghĩ là mình sáng tạo, nên giáo viên phải khuyến khích học sinh để các em dám thử thách. Họ cũng cần phải giúp học sinh phát hiện được thế mạnh sáng tạo của mình trong lĩnh vực nào. Cuối cùng, giáo viên phải bồi dưỡng khả năng sáng tạo cho học sinh, nhất là “học thông qua làm” (learning by doing) (NACCCE, 1999:105) [1].

Để làm được những việc đó, chính giáo viên cần phải tự tin, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm cao (Cremin, 2015) [14]. Qua nghiên cứu, tất cả giáo viên sáng tạo đều cho thấy họ là những người cởi mở, sẵn sàng đón nhận thử thách và họ nhìn nhận thất bại chính là cơ hội để học tập (Cremin, 2015) [14]. Họ cũng cởi mở với các cung bậc cảm xúc và đầu tư cho công việc của mình (Woods và Jeffrey, 1996) [17]. Cũng có ý kiến tranh cãi về khía cạnh cảm xúc trong dạy học và công trình nghiên cứu của Woods và Jeffrey (1996) [17] đã khẳng định phương pháp dạy học sáng tạo đạt hiệu quả cao nếu giáo viên tạo ra các kết nối cảm xúc và cá nhân.

Khả năng liên kết các sự việc cũng là một dấu hiệu của người sáng tạo (Cremin, 2015) [14]. Cụ thể, giáo viên có thể khuyến khích học sinh liên kết kiến thức của các môn học với nhau, hoặc nội dung các bài khác nhau trong một môn và gợi ý cho học sinh liên hệ chúng

với thực tiễn (Cremin, 2015) [14]. Điều này được thể hiện trong chương trình giáo dục phổ thông 2018. Ví dụ ở môn Địa lí, quan điểm của chương trình là “chú trọng tích hợp, thực hành và vận dụng” và khuyến khích học sinh dùng kiến thức Địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn (MOET, 2018b:4) [18]. Tương tự như vậy, trong định hướng về phương pháp giáo dục của môn Hoá học, chương trình giáo dục phổ thông 2018 nêu rõ “Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc” (MOET, 2018c:45) [19]. Và quan trọng nhất ở đây là giáo viên phải có quyết tâm cao trong việc phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh, ghi nhận và khen ngợi sự sáng tạo của các em (Cremin, 2015) [14]. Những phẩm chất đó sẽ tạo điều kiện cho giáo viên tiến hành các phương pháp dạy học nhằm phát triển khả năng sáng tạo cho học sinh.

Một trong những yêu cầu nữa đối với giáo viên đó là *sự linh hoạt* trong phương pháp và tiến trình dạy học, đó là tư tưởng sẵn sàng cho những ý tưởng tự phát, dành thời gian cho học sinh nói lên suy nghĩ của mình và ghi chú mức độ sáng tạo của mỗi học sinh (QCA, 2005) [20]. Chẳng hạn, khi đối diện vấn đề cần giải quyết, thầy cô có thể đặt luôn câu hỏi cho học sinh: em có thể làm gì để giải quyết việc này? (Cremin, 2010) [14]. Giáo viên còn linh hoạt ở chỗ khuyến khích học sinh có *nhiều cách suy nghĩ và giải quyết vấn đề* (Ofsted, 2010) [7]. Sự linh hoạt ở đây cũng hàm ý dành thời gian cho những việc xảy ra ngoài kế hoạch, nhưng vẫn phải đảm bảo đạt được mục tiêu ban đầu (QCA, 2005) [20].

So với cách dạy học truyền thống là truyền thụ kiến thức, thì sự linh hoạt này có thể gây ra những khó khăn và bất đồng giữa các giáo viên, nhất là khi học sinh kiểm tra đề chung và áp dụng đáp án đóng như hiện nay. Do vậy, khi đổi mới phương pháp cần được tiến hành đồng thời với đổi mới đánh giá và giáo viên phải học hỏi không ngừng. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhấn mạnh về phát triển năng lực, thì kiểm tra đánh giá cũng phải theo quan điểm đó, để không bó hẹp ở phạm vi kiến thức hàn lâm nào, vì một khi đã có năng lực thì ở lĩnh vực nào, tình huống nào, học sinh cũng đều có khả

năng xử lý. Chương trình đưa ra định hướng về đánh giá kết quả giáo dục với mục tiêu là “cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình” (MOET, 2018a:32) [2]. Như vậy, căn cứ để đánh giá chính là các yêu cầu về phẩm chất và năng lực, trong đó có năng lực sáng tạo. “Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của học sinh” (MOET, 2018a:33) [2]. Hình thức đánh giá bao gồm cả định tính và định lượng, và khác với chương trình giáo dục hiện hành là việc đánh giá thường xuyên do giáo viên tiến hành, kết hợp với đánh giá của phụ huynh, bản thân học sinh và học sinh khác (MOET, 2018a:33) [2]. Có thể thấy đây là điểm mới trong kiểm tra đánh giá của chương trình giáo dục phổ thông 2018. Sự ghi nhận năng lực sáng tạo không chỉ của giáo viên mà bản thân học sinh, bạn cùng lớp và cha mẹ cũng được tính đến.

Nói như ở trên thì đánh giá năng lực sáng tạo với các năng lực khác có gì khác nhau?

Theo quan điểm của tác giả thì đánh giá năng lực của học sinh phải căn cứ vào “yêu cầu cần đạt” mà chương trình giáo dục phổ thông đã quy định. Riêng với đánh giá năng lực sáng tạo thì đòi hỏi tư tưởng mở của giáo viên-được bàn luận bên dưới-để khuyến khích ý tưởng mới và phát hiện ra các biểu hiện của năng lực sáng tạo của học sinh.

Ở đây, *tư tưởng mở* (open-mindedness) rất quan trọng, không chỉ đối với giáo viên mà họ cần chuyển tải nó đến cho người học bằng cách khuyến khích quan điểm *cởi mở* đối với các ý tưởng mới và cả sự phản biện (Cremin, 2015) [14]. Đã có bằng chứng khoa học cho thấy một người giáo viên có tư tưởng cởi mở làm cho các em cũng sẵn sàng tiếp nhận cái mới, cái khác lạ (Yu và Subramaniam, 2017) [8]. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 sẽ tạo điều kiện cho học sinh được phát huy năng khiếu của mình (MOET, 2018a) [2], nên nếu giáo viên nắm được tinh thần cởi mở với cái mới, cái sáng tạo thì những năng khiếu của học sinh càng có cơ hội thăng hoa.

Ví dụ, đối với nội dung Công nghiệp của Địa lí lớp 10, một trong những yêu cầu cần đạt là “phân biệt được vai trò và đặc điểm của hình

thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp”, giáo viên có thể phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh bằng phương pháp dạy học tích cực lớp học đảo ngược (flipped classroom). Cụ thể, giáo viên chuyển tài liệu học tập đến học sinh về nội dung tổ chức lãnh thổ công nghiệp qua các phần mềm giáo dục hoặc email để học sinh nghiên cứu trước ở nhà. Khi đến lớp, giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung này qua các câu hỏi gợi mở, kết hợp hình ảnh hoặc đoạn phim ngắn về các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp như điểm công nghiệp, trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp. Giáo viên cũng có thể áp dụng kỹ thuật mảnh ghép để tổ chức hoạt động theo nhóm cho từng hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. Sau khi nắm vững về lý thuyết, giáo viên có thể giao nhiệm vụ cho các nhóm học sinh thiết kế các mô hình tổ chức lãnh thổ công nghiệp theo ý tưởng của học sinh, dựa vào kiến thức vừa học. Hoạt động này sẽ khuyến khích học sinh phát huy trí sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tin học để hoàn thành được bản thiết kế. Những ý tưởng mới sẽ được thể hiện qua các bản thiết kế và giáo viên có cơ hội để khích lệ học sinh sáng tạo hơn nữa trong các hoạt động tiếp theo, chẳng hạn các em sẽ bố trí nơi trưng bày các sản phẩm đó trong lớp học hoặc lưu lại bằng cách thực hiện một video ngắn quay cận cảnh bản thiết kế kèm lời thuyết minh của các em.

Đối với môn Toán 11, khi học đến nội dung cấp số cộng và cấp số nhân, giáo viên có thể yêu cầu học sinh đưa ra các liên hệ giữa kiến thức đang học với vấn đề thực tiễn. Khi được yêu cầu như vậy, một nhóm học sinh đã dựng một vở kịch về trường hợp người A muốn làm giàu nhanh chóng và có nguy cơ bị lừa bởi người B. Người B đưa ra các lập luận nghe rất lôi cuốn về việc góp vốn và sinh lời. Nhưng người A đã nắm được các công thức Toán nên tính ra được đáp án là không phải như vậy. Có nhóm tìm thông tin quảng cáo trên báo và tính ra được tiền lời của sản phẩm mua trả góp trên thị trường. Một nhóm học sinh khác viết ra các thuật Toán trên Pascal (kiến thức Tin học đang học cùng thời điểm) để người dùng nhập các thông số về số tiền gửi tiết kiệm, lãi suất, kì hạn và cho ra kết quả. Điều đó cho thấy, với tư duy

cởi mở, giáo viên khuyến khích các em thực hiện yêu cầu của mình một cách đa dạng và sáng tạo.

Quan trọng hơn, chúng ta nên chú ý rằng các ý tưởng độc đáo của học sinh, dù ở mức độ nào thì cũng cần được tôn trọng và dần dần, từ việc tôn trọng ý kiến các nhân đó, giáo viên sẽ hướng học sinh đến sự tự chủ trong học tập (Cremin, 2015) [14]. Các em cần được *khích lệ* về sự thành công của bản thân, đặc biệt khi giáo viên cho các em thấy không có câu trả lời hay đáp án nào là duy nhất (Ofsted, 2010) [7]. Được như vậy thì học sinh sẽ sẵn sàng mạo hiểm (take risk) và đóng góp cho những ý tưởng khác biệt (Ofsted, 2010) [7]. Tư tưởng này cần phải nhất quán và áp dụng thường xuyên trong suốt quá trình dạy học (Cremin, 2015) [14].

Trên thế giới, được dùng phổ biến nhất trong dạy học sáng tạo là việc đặt các *câu hỏi mở*, các câu hỏi dự đoán và tổng hợp các khả năng có thể xảy ra (Cremin, 2015) [14]. Khi các câu hỏi mở được đặt ra, nó huy động sự động não, kinh nghiệm và kiến thức của học sinh, làm cho các câu trả lời rất phong phú và có thể trong số đó, có nhiều ý tưởng độc đáo cần được ghi nhận. Cách đặt câu hỏi như vậy tạo điều kiện cho học sinh phát triển tư duy và óc sáng tạo, tuy nhiên, nó cũng có thể mất nhiều thời gian để học sinh suy nghĩ và giáo viên cũng phải đầu tư hơn để đưa ra các câu hỏi chuẩn xác. Khả năng này có thể được cải thiện theo thời gian, bằng cách giáo viên ghi nhận lại phản hồi của học sinh đối với câu hỏi của mình và giáo viên cũng phản chiếu lại chính mình sau mỗi kinh nghiệm đó (Cremin, 2015) [14]. Ví dụ khi học về chủ đề Bình đẳng giới ở môn tiếng Anh, giáo viên có thể đặt một câu hỏi mở là “Nếu em là Bộ trưởng Bộ Giáo dục Việt Nam, em sẽ làm gì để thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục?” (If you were the Minister of Education and Training of Vietnam, what would you do to promote gender equality in education?). Để trả lời câu hỏi này, học sinh có cơ hội luyện tập câu điều kiện loại hai, sử dụng mạo từ, tính từ để thể hiện ý tưởng của mình. Đây là cơ hội để học sinh phát huy khả năng sáng tạo khi đặt mình vào vị trí Bộ trưởng để giải quyết vấn đề.

“Tạo ra tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia” (MOET, 2018a:32) [2] cũng là một trong các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nhà trường cùng với giáo viên cần tạo ra một môi trường học tập thân thiện, khuyến khích học sinh tự phát hiện năng lực (MOET, 2018a) [2] và bồi đắp các năng lực sáng tạo cho các em qua các câu hỏi gợi mở, sự khích lệ, sự linh hoạt và quan điểm cởi mở với các ý tưởng mới của các em. Để thực hiện được điều đó, chúng ta cần đảm bảo về số lượng và chất lượng của giáo viên. Theo chương trình tổng thể, “100% giáo viên có trình độ được đào tạo đạt chuẩn hoặc trên chuẩn, được xếp loại đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông” (MOET, 2018a:34) [2].

5. Sự phối hợp giữa quản lý, phương pháp sư phạm và chương trình

Các kĩ thuật dạy học phát huy tính sáng tạo cần được thực hiện đồng bộ giữa các giáo viên, nó cũng cần được thể hiện trong chương trình học và có sự đồng thuận cao về cách thức tiến hành. Ở một trường học ở Anh, chủ đề “Tuần lễ thời trang” dành cho học sinh lớp 7 diễn ra trùng với Tuần lễ thời gian Luân Đôn trên thực tế và học sinh được tổ chức để khám phá các khía cạnh thời trang thông qua âm nhạc, Toán, Kỹ thuật và cả môn Khoa học (Ofsted, 2010) [7]. Sự phối hợp của các bên như vậy giúp học sinh hiểu được sự liên kết giữa kiến thức học ở trường và sự kiện trong đời sống, các em cũng có cơ hội kết hợp các môn học với nhau, và trong quá trình làm việc, khả năng tổ chức hoạt động cũng như giao tiếp của các em được cải thiện rất nhiều, trong một môi trường thoải mái và hiệu quả.

Chúng ta có thể thấy, chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã được xây dựng theo hướng khái quát, khiến cho các trường được “chủ động và sáng tạo thực hiện chương trình” (MOET, 2018b:4) [18]. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng quy định, hiệu trưởng phải được “đánh giá theo chu kỳ và được xếp loại đạt trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục

phổ thông, được bồi dưỡng, tập huấn về lí luận chính trị, quản lí giáo dục và chương trình phổ thông theo quy định” (MOET, 2018a:34) [2]. Nếu các nhà quản lí giáo dục, các tổ trưởng chuyên môn nghiên cứu chương trình và lập được kế hoạch thực hiện các chủ đề học tập hoặc dự án liên môn thì cơ hội để học sinh phát huy năng lực sáng tạo càng cao.

Một ví dụ nữa là trường hợp học sinh gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý của mình bằng câu văn thì nhà trường có thể khuyến khích các em phát triển kĩ năng này thông qua trò chơi trên phần mềm máy tính mà trẻ phải điền các câu trả lời (Ofsted, 2010) [7]. Để chiến thắng trong trò chơi thì trẻ phải nghĩ ra một câu hoàn chỉnh để điền vào, cách làm này thú vị hơn rất nhiều so với việc yêu cầu các em phải luyện tập viết các câu theo đề bài đã cho sẵn. Trong thời gian làm việc ở Anh, người nghiên cứu cũng đã phỏng vấn một Hiệu phó về việc nhà trường chủ ý đưa học sinh đi tham quan nhà máy sản xuất và lắp ráp ô tô, nơi có nhiều nữ kĩ sư đang làm việc, để học sinh có một cái nhìn rộng hơn về giới và nghề nghiệp. Sau đó, trường còn mời các nhà nữ khoa học, nữ doanh nhân đến chia sẻ câu chuyện theo chủ đề của nhà trường, để hướng học sinh đến bình đẳng giới.

Để đảm bảo điều kiện phát huy năng lực sáng tạo cho học sinh, Ofsted (2010) [7] chỉ ra những việc nhà trường cần làm như tạo điều kiện để giáo viên phát triển chuyên môn. Đây có thể nói là nhân tố quyết định đến sự thành công của trường. Giáo viên và nhân viên trong trường phải có kiến thức, kĩ năng và sự tự tin thì họ mới có thể khuyến khích học sinh trở thành những người học độc lập và sáng tạo. Do đó, các buổi tập huấn và sự hướng dẫn của người có kinh nghiệm hơn trong tổ bộ môn là thật sự cần thiết. Để làm được như vậy thì đội ngũ quản lí phải có được tầm nhìn và tâm huyết để hỗ trợ về đào tạo, môi trường làm việc và tính nhất quán trong mục tiêu phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy sự liên kết giữa các trường trên cùng một địa phương để chia sẻ kinh nghiệm cũng là một cách làm mà chúng ta có thể áp dụng ở Việt Nam, nhất là khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các trường có giáo

viên có tinh thần đổi mới, sáng tạo và chia sẻ có thể tổ chức các tiết học hoặc các buổi tọa đàm và mời giáo viên cùng bộ môn của các trường lân cận đến dự giờ hoặc tham gia các hoạt động nhằm hỗ trợ và học hỏi lẫn nhau về chuyên môn.

Trường học cũng cần được trang bị máy vi tính, đường truyền internet, đồ hoạ, kĩ năng kĩ thuật bởi chúng mang lại nhiều cơ hội phát huy sáng tạo cho học sinh, nhất là các học sinh chưa tự tin về giao tiếp và tính toán (Ofsted, 2010) [7]. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đề cao tầm quan trọng của tin học bằng cách khẳng định năng lực tin học là một trong bảy năng lực đặc thù mà giáo dục Việt Nam muốn trang bị cho học sinh (MOET, 2018a) [2]. Tin học và Công nghệ được giảng dạy cho học sinh từ lớp 3 với 70 tiết một năm, tương đương với số tiết cho môn Nghệ thuật. Nghệ thuật được đưa vào chương trình bắt buộc từ lớp 1 đến hết lớp 9 (MOET, 2018a) [2].

Vậy chúng ta cần phải làm gì để bồi dưỡng cho giáo viên đang đứng lớp các kĩ năng, phương pháp sư phạm phát triển năng lực sáng tạo của người học? Hiện nay, Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và các bộ quản lí cơ sở giáo dục phổ thông ETEP và Dự án Hỗ trợ đổi mới giáo dục phổ thông RGEP đang tiến hành tập huấn, bồi dưỡng giáo viên cốt cán để thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới ở tất cả các tỉnh thành trong cả nước. Đây là cơ hội để lồng ghép bồi dưỡng kiến thức khoa học và phương pháp dạy học phát huy năng lực sáng tạo cho học sinh, nhằm ứng dụng ngay vào chương trình giáo dục phổ thông 2018. Để đảm bảo tính hiệu quả của tập huấn, cần có kế hoạch kiểm tra và bồi dưỡng thường xuyên đối với giáo viên các cấp. Mục tiêu cuối cùng là để biến dạy học phát triển năng lực sáng tạo thành một trong những mục tiêu cốt lõi và được thực hiện hàng ngày, ở mọi trường học và trong mọi môn học. Nhưng để phát triển được năng lực sáng tạo của học sinh trong học tập thì ngoài chương trình giáo dục phổ thông đã quy định nhóm năng lực, thì nhà quản lí giáo dục, ban giám hiệu, các tổ trưởng chuyên môn cũng cần thể hiện sự phối hợp đồng bộ để sự sáng tạo được

khuyến khích trong mọi hoạt động giáo dục. Đối với sinh viên các trường sư phạm, họ cần được giảng dạy và thực tập về dạy học sáng tạo này như một sự chuẩn bị kỹ càng cho nghề nghiệp sau khi ra trường.

6. Kết luận

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là bước đột phá trong cải cách giáo dục Việt Nam nhằm mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh mà một trong ba nhóm năng lực cốt lõi là sáng tạo (MOET, 2018a) [2]. Điều này phù hợp với xu thế phát triển giáo dục thế giới vì các nghiên cứu khoa học đã chứng minh tầm quan trọng của sự sáng tạo đối với kinh tế và giáo dục của một quốc gia. Trên thực tế, chính sách giáo dục của nhiều nước phát triển ở châu Âu, châu Mỹ và châu Á đã thể hiện điều đó khi họ đề cao tính sáng tạo trong chương trình học và đặc biệt là trong phương pháp giảng dạy.

Dạy học phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh đòi hỏi giáo viên phải có kiến thức cơ bản về sự sáng tạo trong dạy học và cả những phẩm chất như tính tò mò, sự cởi mở với cái mới và tính linh hoạt trong các khâu soạn bài, giảng dạy và đánh giá. Dạy học phát triển năng lực sáng tạo đòi hỏi giáo viên tôn trọng những ý kiến mới lạ của học sinh, khích lệ học sinh nêu quan điểm cá nhân, bồi dưỡng niềm tin về thành công cho các em và hướng các em đến sự tự chủ trong việc học. Một trong các kỹ thuật phổ biến nhất được dùng đó là đặt câu hỏi mở cho học sinh để các em tự suy nghĩ và tạo các mối liên kết giữa kiến thức các môn với đời sống thực tế.

Để đảm bảo nền giáo dục phát triển năng lực sáng tạo thì không chỉ ở phương pháp giảng dạy của thầy cô giáo mà còn đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa chương trình, quản lý và phương pháp sư phạm. Do vậy, công tác tập huấn về dạy học phát triển năng lực cần được tiến hành đối với giáo viên và vai trò của sáng tạo trong giáo dục cần được nhận thức một cách đầy đủ của tất cả mọi người làm quản lý giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- [1] NACCCE-National Advisory Committee on Creative and Cultural Education All our Futures: Creative, Culture and Education, London: DFEE, 1999.
- [2] Ministry of Education and Training announce new general curriculum-the whole curriculum. Online: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-bo.aspx?ItemID=5755/>, 2018a (accessed 24 November 2019).
- [3] A. Craft, *Creativity in Schools: Tensions and Dilemmas*, Abingdon: Routledge, 2008.
- [4] P. Burnard, Reflecting on the Creativity Agenda in Education, *Cambridge Journal of Education*, 36 (2006) 313-318.
- [5] R. Shareen, Creativity and Education, *Creative Education* 1(3) (2010) 166-169.
- [6] C. Smith, "Creativity" in Japanese Education Policy, In P. Clements, A. Krause and P. Bennett (eds), *Language Teaching in a Global Age: Shaping the Classroom, Shaping the World*, Tokyo: JALT, 2017.
- [7] Ofsted-Office for Standards in Education, Children's Services and Skills Learning: *Creative Approaches that Raise Standards* (HMI: 080266). Online: <https://dera.ioe.ac.uk/1093/1/Learning%20creative%20approaches%20that%20raise%20standards.pdf/>, 2010 (accessed 20 June 2019).
- [8] C. Yu, G. Subramaniam, A Mentoring Approach for Developing Creativity in Teaching, *Malaysian Journal of ELT Research* 14 (2) (2017) 1-19.
- [9] CCE-Creative Culture and Education (2019) *Creative Partnerships*. Online: <https://www.creativitycultureeducation.org/programme/creative-partnerships/>, 2009 (accessed 22 November 2019).
- [10] A. Loveless, *Literature Review in Creativity, New Technologies and Learning*. Online: <https://telearn.archives-ouvertes.fr/hal-00190439/>, 2007 (accessed 24 November 2019).
- [11] C.P. Hood, *Japanese Education Reform: Nakasone's legacy*, Abingdon: Routledge, 2001.
- [12] C.A. Smith, *Creativity Ease and West: Perceptions and Misunderstandings*, In: P. Clements, A. Krause and H. Brown (eds), *Focus on the Learners*, Tokyo: JALT, 2016.
- [13] A. Harris, L.D. Bruin, *Curriculum and Pedagogy*. Oxford Research Encyclopedia of Education, 2018.
- [14] T. Cremin, *Creative teachers and creative teaching*. *Creativity in Primary Education*. Online: <https://www.researchgate.net/publication/4899075>

- 4-Creative-teachers-and-creative-teaching/, 2015 (accessed 22 November 2019).
- [15] D.J. Brinkman, Teaching Creatively and Teaching for Creativity, *Arts Education Policy Review*, 111 (2010) 48-50.
- [16] J.C. Hong, et al., A Study of Influential Factors for Creative Teaching. Paper presented at the international conference on Redesigning Pedagogy: Research, Policy, Practice held at National Institute of Education, Nanyang Technological University, Singapore, 2005.
- [17] P. Woods, B. Jeffrey, *Teachable Moments: the Art of Creative Teaching in Primary Schools*, Buckingham: Open University Press, 1996.
- [18] Ministry of Education and Training announce new general curriculum-the curriculum of Geography-Online: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-bo.aspx?ItemID=5755/>, 2018b (accessed 24 November 2019).
- [19] Ministry of Education and Training announce new general curriculum-the curriculum of Geography-Online: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-bo.aspx?ItemID=5755/>, 2018c (accessed 05 May 2020).
- [20] QCA-Qualifications and Curriculum Authority, *Creativity: Find it, Promote It!-Promoting Pupils' Creative Thinking and Behaviour across the Curriculum at Key Stages 1, 2 and 3-Practical Materials for Schools*, London: Qualifications and Curriculum Authority, 2005.